

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023”

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 9**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2023

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 9**

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023” do Tổng cục Thủy lợi quản lý, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện năm 2023. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện trong năm 2023 gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/ tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo chất lượng nước theo tuần tại các vị trí lấy mẫu quan trắc theo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ <https://chatluongnuoc.tongcucthuyloi.gov.vn> và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 9 lấy mẫu ngày 10/8/2023. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG MẪU CỔ ĐỊNH ĐỢT 9

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023.

2. Ngày quan trắc: 10/8/2023

Ngày cung cấp thông tin: 11/8/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 10/08/2023 vào thời kỳ tưới dưỡng vụ Mùa (11/7 đến 28/10/2023). Theo quy trình vận hành hệ thống: Điều tiết giữ mực nước hạ lưu Xuân Quan từ +1,80m đến 2,20m; Thượng lưu cống Kênh Cầu từ +1,60m đến +2,00m; Thượng lưu cống Bá Thủy từ +1,20m đến +1,50m; Thượng lưu cống Neo từ +1,10m đến +1,40m; Thượng lưu cống Cầu Xe, An Thổ từ +0,80m đến +1,00m hoặc cạn tháo; Âu thuyền Cầu Cát: Phục vụ giao thông thủy hoặc kết hợp lấy nước ngược.

- Thời điểm lấy mẫu, hoạt động của các công trình đầu mối và các cống tiêu như sau: Cống Xuân Quan mở không chế 4 cửa 60 cm, lấy nước vào hệ thống; Kênh Cầu, Âu Lược Điền, cống Tranh mở thông, Neo mở không chế 5 cửa x 150 cm, Bá Thủy đóng kín không chế thượng lưu; Âu Cầu Cát, Cầu Xe đóng kín; An Thổ mở không chế 6 cửa x 30 cm. Các cống tiêu Xuân Thụy, Ngọc Đà, Phần Hà, Ngọc Lâm và Bình Lâu mở thông.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 9 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₁ và B₁)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
1	BHH 1	Cống Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ	- Cống mở không chế 4 cửa 60 cm, dòng chảy yếu. Mực nước TL = 269cm; HL = 191 cm; - Nước có màu nâu phù sa,	28,9	6,54	5,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			cống Xuân Thụy	không có mùi lạ, có rác thải.				học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Bâ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống mở thông 5 cửa, dòng chảy trung bình. Mức nước TL = 196 cm; HL = 188cm; - Nước có màu xanh đen, mùi hôi, không có rác thải. Khi nhập lưu sông với sông Kim Sơn tạo 2 mảng màu xám đen – nâu rõ rệt. 	29,2	6,66	1,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS. - Lấy nước thay thế trong khu vực qua các trạm bơm từ nguồn sông Kim Sơn và sông ngoài. - Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang 	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng chảy yếu theo hướng từ TB Như Quỳnh ra cầu Tăng Bảo. - Nước có màu xanh đen, mùi hơi hôi, nhiều rác thải trên sông và có cá ngơ nổi. 	29,7	6,70	2,8	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Tạm dừng lấy nước qua TB Như Quỳnh. Bổ sung nước thay thế trong khu vực qua trạm bơm Phú Mỹ từ nguồn nước sông Đuống
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống mở thông, dòng chảy trung bình. Mức nước TL= 172 cm; HL = 170 cm; - Nước màu nâu phù sa, không có mùi lạ. Không có rác thải. 	29,3	6,74	4,2	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo				pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.	
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống mở thông 2 cửa, dòng chảy mạnh. - Nước có màu đen xám, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cống, nổi nhiều bọt trắng, khi nhập lưu với sông Đình Dù tạo 2 mảng màu đen – xám rõ rệt. 	28,8	6,60	1,5	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống mở, dòng chảy trung bình ra phía sông Kim Sơn. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ. Không có rác thải, nhiều cá ngơ nổi 	30,1	6,70	3,8	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngơ nổi đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
7	BHH7	Cống Phần Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Núi, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu đen, mùi hôi thối. Nhiều rác thải. 	30,3	6,67	1,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Phần Hà ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			(huyện Mỹ Hòa, Hưng Yên).					
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> - Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL= 131 cm; HL= 110 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Nhiều bèo lẫn rác thải trước cổng. 	30,5	6,67	4,1	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. - Nước màu đen kịt, mùi hôi thối. Không có rác thải 	30,5	6,54	1,2	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS, cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cổng Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 134, HL= 74 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải. 	31,0	6,68	4,3	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
11	BHH11	Cổng An Thổ	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở không chế 6 cửa x 30 cm, nước sông Luộc chảy vào hệ thống, dòng 	31,0	6,64	5,2	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	chảy trung bình. Mục nước TL= 113 cm; HL= 129 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải.				vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
12	BHH12	Cổng Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 113 cm; HL= 130 cm - Nước màu xanh lục, nhiều tảo xanh, không có mùi lạ, không rác thải.	31,1	6,75	4,0	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
13	BHH13	Cổng Lực Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cống mở, dòng chảy yếu. Mục nước TL= 164 cm; HL = 163 cm. - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải.	29,3	6,66	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
14	BHH14	Cổng Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Dòng chảy yếu ra sông Cừ An. - Nước màu vàng đục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	30,6	6,75	3,4	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngờ nổi đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
15	BHH15	Cổng	- Kiểm tra nước sông Cừ An	- Cống mở không ché 5 cửa	30,9	6,71	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		Neo	trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	x 150 cm, dòng chảy trung bình. Mực nước TL= 118 cm; HL = 114 cm; - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Nhiều bèo tây chết vạt sau cống và rác thải.				- Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1				-	-	6,0-8,5	≥6	-
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1				-	-	5,5-9,0	≥4	-

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;